

Bản án số: 53/2021/DS-ST

Ngày: 30/7/2021.

*V/v Tranh chấp về hợp
đồng dân sự vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Đoàn Hạnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà **Trần Thị Hằng**

+ Bà **Thạch Thị Lan Nhung**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Trọng Thắng** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị D**, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Số 42 thôn N, xã Phú Sơn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông **Trương Minh Thành T** (Tên gọi khác: Ba), sinh năm: 1980

Địa chỉ: Nhà bà Lê Thị Kim O, thôn Ngọc Sơn 1, xã Phú Sơn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Sinh T** (Tên gọi khác: Thắm), sinh năm: 1978

Địa chỉ: Thôn N, xã Phú Sơn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

HKTT: Nhà bà Nguyễn Sinh Chữu, ấp Hiệp Tùng, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

“Tại phiên tòa bà Trần Thị D và ông Trương Minh Thành T có mặt. Bà Nguyễn Sinh T (Thắm) vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 08/12/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày: Ngày 01/1/2015 (DL) bà D có cho ông T vay số tiền 30.000.000đồng, hạn đến cuối năm 2015 ông T sẽ trả cho bà, hai bên có viết giấy nhận nợ 01/1/2015; Đến ngày 27/01/2015 ông T có vay thêm số tiền 50.000.000đồng, cộng với khoản vay ngày 01/01/2015 thì tổng cộng ông T vay 80.000.000đồng. Hai bên có thỏa thuận cuối năm 2015 ông T sẽ trả hết nợ vay, ông T có viết giấy nhận nợ ngày 27/01/2015 âm lịch, thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng.

Đến cuối năm 2015 ông T không trả được gốc và lãi theo thỏa thuận mà đến ngày 02/3/2016 ông T mới trả 24.000.000đồng tiền lãi của 12 tháng T h từ tháng 01/2015 đến tháng 12/2015. Năm 2016 ông T cũng không trả gốc và lãi cho bà. Đến tháng 4/2017 bà D có đến nhà ông Nguyễn Việt Hưng (tên gọi khác là Năm Hưng) ở thôn Quyết Thắng, xã Phú Sơn, huyện Lâm Hà cân 500kg cà phê nhân khô, loại Rôbusta với giá 32.200đồng/01kg, thành tiền là 16.600.000đồng, đây là số tiền lãi của năm 2016. Năm 2018, 2019 ông T không trả gốc và lãi cho bà D. Đến năm 2020 ông T trả cho bà D 3.417kg cà phê Rôbusta tươi, với giá 6000đồng/01kg cà phê tươi, thành tiền là 20.502.000đồng. Như vậy, ông T chưa trả tiền gốc 80.000.000đồng cho bà D và tiền lãi ông T cũng trả không đầy đủ. Vì vậy, bà D khởi kiện yêu cầu ông T phải trả cho bà 80.000.000đồng tiền nợ gốc, tiền nợ lãi coi như ông T đã trả xong nên bà D không yêu cầu ông T phải trả tiền lãi còn thiếu. Đồng thời, số tiền này một mình ông T vay, vợ ông T là bà Nguyễn Sinh T (Thắm) không vay và không ký nhận nợ nên bà D không khởi kiện bà Trong (Thắm) và không yêu cầu bà Trong (Thắm) phải có trách nhiệm trả nợ cho bà D. Ngoài ra, bà D không còn yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Trương Minh Thành T trình bày: Vợ chồng ông Trương Minh Thành T, bà Nguyễn Sinh T (tên gọi khác là Thắm) có vay tiền của bà D

chứ không phải một mình ông T vay, cụ thể: Tháng 4/2015 vợ chồng ông T, bà Thắm cùng nhau đến vay của bà D 30.000.000đồng, việc vay tiền có viết giấy nhận nợ với nhau, lãi suất 30.000đồng/1.000.000đồng/01 tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Khoảng tháng 6/2015 vợ chồng ông T, bà Thắm tiếp tục đến vay của bà D số tiền 50.000.000đồng, số tiền này bà D đưa trực tiếp cho bà Thắm và ông T có ký nhận nợ, lãi suất 30.000đồng/1.000.000đồng/01 tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Tổng cộng ông T, bà Thắm vay của bà D 80.000.000đồng, mục đích vay về để đầu tư nuôi tôm ở Cà Mau nhưng thất bại.

Quá trình vay tiền thì ông T có trả cho bà D các lần tiền cụ thể: Năm 2016 trả 26.000.000đồng; Năm 2017 trả 30.000.000đồng; Năm 2018 ông T thu mùa cà phê xong thì ông T gửi cà phê tại nhà ông Nguyễn Việt Hưng (tên gọi khác là Năm Hưng) ở thôn Quyết Thắng, xã Phú Sơn, huyện Lâm Hà thì bà D có đến nhà ông Năm Hưng cân 500kg cà phê nhân khô, loại Rôbusta với giá 37.000đồng/01kg, thành tiền là 18.500.000đồng; Năm 2020 khi ông T thu cà phê thì bà D đến vườn cân 49 bao cà phê Rôbusta tươi, mỗi bao 75kg, tổng cộng là 3.675 kg nhân với giá 7.200đồng/01kg tươi, thành tiền 26.460.000đồng. Như vậy, tổng cộng ông T đã trả cho bà D số tiền 100.960.000đồng. Vì vậy, bà D khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 80.000.000đồng thì ông T không đồng ý vì ông đã trả đủ nợ vay. Ngoài ra, ông T không còn yêu cầu gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Sinh T (Thắm):*
Qua xác minh thực tế tại địa phương thì bà Trong (Thắm) đã bỏ đi khỏi địa phương nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai được của bà Trong (Thắm). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tại nơi trước đây bà Trong (Thắm) sinh sống và nơi bà Trong (Thắm) đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng bà Trong (Thắm) không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, bà D và ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong

quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D , buộc ông T phải trả cho bà D số tiền 80.000.000đồng. Buộc ông T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà D .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Sinh T (Thẩm) vắng mặt và đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Sinh T (Thẩm) là phù hợp.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Ngày 01/1/2015 (DL) bà D có cho ông T vay số tiền 30.000.000đồng và ngày 27/01/2015 bà D có cho ông T vay số tiền 50.000.000đồng, tổng cộng ông T vay số tiền 80.000.000đồng. Bà D cho rằng đến thời hạn trả nợ ông T không trả nợ nên bà D khởi kiện yêu cầu ông T phải trả cho bà số tiền 80.000.000đồng nợ gốc và bà D không yêu cầu trả lãi. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463 Bộ luật Dân sự xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Tài liệu chứng cứ bà D đi khởi kiện là bản chính giấy vay tiền ghi ngày 01/01/2015 (DL) bà D có cho ông T vay số tiền 30.000.000đồng và ngày 27/01/2015 bà D có cho ông T vay số tiền 50.000.000đồng (BL 07), tổng cộng ông T vay của bà D số tiền 80.000.000đồng. Ông T thừa nhận có vay của bà D số tiền 80.000.000đồng và giấy vay tiền nêu trên đúng là chữ ký của ông T . Nhưng ông T không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà D vì ông T đã trả xong nợ cho bà D , cụ thể ông T

đã trả cho bà D số tiền 100.960.000đồng gồm: Năm 2016 trả 26.000.000đồng; Năm 2017 trả 30.000.000đồng; Năm 2018 ông T trả 500kg cà phê nhân khô, loại Rôbusta với giá 37.000đồng/01kg, thành tiền là 18.500.000đồng; Năm 2020 ông T trả 3.675 kg cà phê tươi với giá 7.200đồng/01kg tươi, thành tiền 26.460.000đồng.

Bà D không thừa nhận ông T đã trả cho bà D 100.960.000đồng mà ông T không trả nợ gốc, chỉ trả cho bà 61.102.000đồng tiền nợ lãi gồm ngày 02/3/2016 trả 24.000.000đồng; Tháng 4/2017 trả 500kg cà phê nhân khô, loại Rôbusta với giá 32.200đồng/01kg, thành tiền là 16.600.000đồng; Năm 2020 ông T trả 3.417kg cà phê Rôbusta tươi x 6000đồng/01kg cà phê tươi, thành tiền là 20.502.000đồng. Như vậy số tiền lãi ông T trả cho bà D cũng chưa đủ và chưa trả tiền nợ gốc nên bà D giữ nguyên yêu cầu ông T phải trả cho bà 80.000.000đồng nợ gốc.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T thừa nhận ngày 01/1/2015 (DL) ông T có vay của bà D số tiền 30.000.000đồng và ngày 27/01/2015 ông T có vay của bà D số tiền 50.000.000đồng, tổng cộng ông T vay số tiền 80.000.000đồng và giấy vay tiền nêu trên đúng là chữ ký của ông T. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định ông T có vay của bà D số tiền 80.000.000đồng. Đồng thời, hai bên cũng thừa nhận lãi suất theo thỏa thuận ghi trong giấy là 3%/tháng đối với số tiền 30.000.000đồng và 2,5%/tháng đối với số tiền 50.000.000đồng.

Việc ông T cho rằng ông T đã trả cho bà D tổng cộng là 100.960.000đồng, nhiều hơn số tiền ông T nợ bà D nhưng ông T không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Trong khi đó, bà D chỉ thừa nhận ông T có trả tiền nợ lãi là 61.102.000đồng. Như vậy, căn cứ vào sự thừa nhận của bà D thì chỉ có cơ sở xác định ông T đã trả được cho bà D số tiền 61.102.000đồng. Qua T h toán, đối chiếu số tiền lãi suất theo quy định của Bộ Luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 mà ông T phải trả cho bà D T h từ ngày vay tiền đến ngày Tòa án xét xử so với số tiền 61.102.000đồng ông T đã cho bà D thì số tiền lãi mà ông T đã trả cho bà D ít hơn số tiền lãi ông T phải chịu theo quy định pháp luật, nhưng nay bà D không yêu cầu ông T phải trả số nợ lãi còn thiếu, số tiền lãi đã trả các bên đương sự cũng không tranh chấp gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Ông Trương Minh Thành T cho rằng số nợ 80.000.000đồng là nợ chung của vợ chồng chứ không phải nợ riêng của ông T. Ông T khẳng định mục đích vay số tiền 80.000.000đồng về để vợ chồng đầu tư nuôi tôm ở Cà Mau nhưng thất bại nhưng hiện nay vợ chồng ông bà vẫn tồn tại quan hệ hôn nhân. Qua xem xét thì Hội đồng xét xử thấy rằng, bà Nguyễn Sinh T là vợ của ông T hiện nay đã bỏ đi khỏi địa phương nên Tòa án không lấy lời khai làm rõ được vấn đề nợ vay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xác minh thu thập chứng cứ, lấy lời khai của bà Trong theo địa chỉ ông T cung cấp nhưng hiện nay bà Trong không có ở địa phương và không ai biết bà Trong ở đâu. Bà D khẳng định ông T, bà Trong là vợ chồng nhưng khi vay thì ông T trực tiếp vay của bà và trực tiếp ký nhận nợ nên bà D không yêu cầu bà Trong phải trả nợ. Vì vậy, cần buộc ông T phải trả số nợ 80.000.000đồng cho bà D theo giấy vay tiền ông T đã ký là phù hợp. Nếu sau này, giữa ông T và bà Trong có tranh chấp liên quan đến số nợ trên thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có đủ chứng cứ chứng minh theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D nên buộc ông T phải chịu 4.000.000đồng (80.000.000đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền ông T phải trả cho bà D. Hoàn trả cho bà D số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D đối với ông Trương Minh Thành T. Về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc ông Trương Minh Thành T phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị D số tiền 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Trương Minh Thành T phải chịu 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị D số tiền tạm ứng án phí 4.000.000đồng mà bà Trần Thị D đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0015124 ngày 04/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/7/2021) các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đoàn Hạnh Trang